| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**T PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 150/2025/QĐST-HNGĐ | *Quận 7, ngày 18 tháng 3 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – T PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 ngày 01 tháng 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Tống Thị Thu L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 48A đường Lâm Văn Bền, phường Tân Kiểng, Quận 7, T phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Trung T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 48A đường Lâm Văn Bền, phường Tân Kiểng, Quận 7, T phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 45/25/20/22 đường Trần Thái Tông, Phường 15, quận Tân Bình, T phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Tống Thị Thu L và ông Lê Trung T được xác lập vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hiện nay, bà Tống Thị Thu L đang cư trú tại Quận 7, ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L cùng có Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì đây là loại việc dân sự yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, các đương sự thống nhất trình bày như sau:

Qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 01, Quận 10 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58, quyển số 1 ngày 26/6/2000.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo cả hai trình bày là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng vẫn không cải thiện được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cả hai cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho cả hai được thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L có 02 con chung họ tên Lê Trung Hiếu, sinh ngày 07/9/1998 (đã trưởng T) và Lê Tống Trung Nguyên, sinh ngày 27/10/2000 (đã trưởng T).

[4] Về tài sản chung: Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L không có nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về lệ phí sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58, quyển số 1 ngày 26/6/2000 do Uỷ ban nhân dân Phường 01, Quận 10 cấp).

- Về con chung: Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L có 02 con chung họ tên Lê Trung Hiếu, sinh ngày 07/9/1998 (đã trưởng T) và Lê Tống Trung Nguyên, sinh ngày 27/10/2000 (đã trưởng T).

- Về tài sản chung: Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Trung T và bà Tống Thị Thu L không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà L ông T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23P số 0037186 ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, T phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Tòa án dân nhân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án Quận 7;
- UBND xã/phường nơi đăng ký kết hôn.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk Định).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Diễm Phương**

TAND QUẬN 7

WY0180325.TL.QDBA
771